

CHÍNH PHỦ
Số: 11/2002/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH

Về việc quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các loài động vật, thực vật hoang dã

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 12 tháng 8 năm 1991;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản ngày 25 tháng 4 năm 1989;

Căn cứ Pháp lệnh về ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế ngày 20 tháng 8 năm 1998;

Căn cứ Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CONVENTION ON INTERNATIONAL TRADE IN ENDANGERED SPECIES OF WILD FAUNA AND FLORA - viết tắt là CITES);

Để bảo tồn và thực hiện thương mại bền vững đối với các loài động vật, thực vật hoang dã phù hợp quy định của Công ước CITES và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định chi tiết việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã theo quy định của

Công ước CITES và pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Loài: bao gồm một loài hoặc một loài phụ hay một quần thể động vật, thực vật cách biệt về mặt địa lý.
2. Loài lai: là kết quả của việc giao phối hay cấy ghép hai loài hoặc hai loài phụ động vật hay thực vật với nhau.
3. Loài quý hiếm: là những loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong danh mục của Nghị định số 18/HĐBT ngày 17 tháng 01 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và những văn bản pháp luật khác của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
4. Động vật hoang dã thông thường: là những loài động vật chỉ bao gồm các loài côn trùng, bò sát, lưỡng cư, chim, thú không được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES, Nghị định số 18/HĐBT ngày 17 tháng 01 năm 1992 và không bị quy định cấm hoặc hạn chế khai thác, sử dụng trong các văn bản pháp luật khác của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
5. Mẫu vật: là động vật, thực vật hoang dã còn sống hay đã chết hoặc một bộ phận hay dẫn xuất của chúng hoặc các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật, thực vật hoang dã.
6. Xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển các loài động vật, thực vật hoang dã vì mục đích thương mại: là việc đưa mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã qua biên giới hoặc lãnh hải nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam vì mục đích thu lợi dưới dạng tiền mặt, hàng hoá, trao đổi, cung cấp dịch vụ, các dạng sử dụng khác hoặc lợi ích kinh tế khác.
7. Xuất khẩu mẫu vật: là việc đưa mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
8. Tái xuất khẩu mẫu vật: là việc xuất khẩu mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã trước đây đã được nhập khẩu hợp pháp vào lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

9. Nhập khẩu mẫu vật: là việc đưa mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã vào lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
10. Nhập nội từ biển: là việc đưa vào lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam mẫu vật của các loài được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES được khai thác từ vùng biển không thuộc quyền tài phán của bất kỳ quốc gia nào.
11. Vận chuyển quá cảnh: là việc vận chuyển hay chuyển tải mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã đặt dưới sự kiểm soát của hải quan qua lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến một nước thứ ba.
12. Cảng xuất khẩu, cảng nhập khẩu: là cảng hàng không, cảng biển hay cửa khẩu đường bộ, đường sắt của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được chỉ định để xuất khẩu hoặc nhập khẩu mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã.
13. Môi trường có kiểm soát: là môi trường có sự quản lý của con người nhằm mục đích tạo ra những loài thuần chủng hoặc tạo ra những cây lai, con lai có chọn lọc. Môi trường phải có ranh giới rõ ràng để ngăn ngừa sự xâm nhập hoặc phát tán của động vật, trứng hay giao tử ra ngoài hoặc vào trong môi trường được quản lý.
14. Trại nuôi sinh sản: là nơi nuôi giữ các loài động vật hoang dã có nguồn gốc hợp pháp từ thiên nhiên để lấy sản phẩm được sinh ra trong môi trường có kiểm soát.
15. Cơ sở trồng cấy nhân tạo: là nơi trồng, cấy từ hạt, hợp tử, mầm hoặc ghép cành hay các cách nhân giống khác trong môi trường có kiểm soát các loài thực vật hoang dã được khai thác hợp pháp từ tự nhiên.
16. Thế hệ F0, F1, F2:
- a) F0 là động vật sống, trứng hay giao tử được khai thác từ thiên nhiên hoặc là con sinh ra trong môi trường có kiểm soát nhưng là kết quả của việc giao phối trong tự nhiên;
- b) F1 là kết quả sinh sản của các cá thể bị bắt ngoài tự nhiên (F0) được nuôi trong môi trường có kiểm soát. Kết quả sinh sản của một cá thể (F) bất kỳ phối giống với một cá thể F0 trong môi trường có kiểm soát được coi là (F1);
- c) F2 là kết quả của việc sinh sản của cặp bố - mẹ (F1) được nuôi và giao phối trong môi trường có kiểm soát.

17. Phụ lục của Công ước CITES bao gồm:

a) Phụ lục I: là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng và bị nghiêm cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển vì mục đích thương mại;

b) Phụ lục II: là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã hiện chưa bị đe dọa tuyệt chủng, nhưng có thể dẫn đến tuyệt chủng nếu như việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển vì mục đích thương mại những loài này không được kiểm soát;

c) Phụ lục III: là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã mà một quốc gia thành viên thực hiện kiểm soát việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển yêu cầu các quốc gia thành viên khác hợp tác để kiểm soát việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu vì mục đích thương mại.

Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong Phụ lục I, II Công ước CITES có thể được sửa đổi thông qua Hội nghị các nước thành viên hai năm họp một lần.

18. Tài sản cá nhân: là những mẫu vật thuộc sở hữu cá nhân, được sử dụng không vì mục đích thương mại. Mẫu vật của các loài được khai thác bất hợp pháp mà pháp luật Việt Nam nghiêm cấm khai thác, sử dụng thì không được coi là tài sản cá nhân.

19. Mẫu vật tiền công ước: là mẫu vật được quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES có được một cách hợp pháp trước ngày 20 tháng 4 năm 1994 là ngày nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gia nhập Công ước CITES. Mẫu vật tiền Công ước phải đăng ký với Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam.

20. Quốc gia thành viên: là quốc gia mà Công ước CITES đã có hiệu lực tại quốc gia đó.

21. Quốc gia không là thành viên: là quốc gia mà Công ước CITES chưa có hiệu lực tại quốc gia đó.

Chương 2:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU MẪU VẬT CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CÁC PHỤ LỤC CỦA CÔNG ƯỚC CITES

Điều 3.

1. Cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển vì mục đích thương mại mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong Phụ lục I của Công ước CITES.

2. Việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong Phụ lục I của Công ước CITES chỉ được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Không vì mục đích thương mại;

b) Phù hợp với pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) Có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp.

3. Việc cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu và nhập nội từ biển mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã được quy định trong Phụ lục I của Công ước CITES và điểm c khoản 2 Điều này được thực hiện khi đáp ứng đủ những điều kiện sau:

a) Xuất khẩu:

Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam tư vấn rằng việc xuất khẩu không ảnh hưởng đến sự tồn tại bền vững của loài đó trong thiên nhiên;

Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam công nhận giấy phép nhập khẩu các mẫu vật đó do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES nước nhập khẩu cấp trước đó;

Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thừa nhận mẫu vật đó được khai thác hợp pháp theo luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam xác nhận việc vận chuyển mẫu vật sống phải được chuẩn bị tốt để bảo đảm giảm tối đa những nguy hiểm, thương tích đối với mẫu vật.

b) Nhập khẩu:

Cơ quan thẩm quyền khoa học CITES Việt Nam thừa nhận mẫu vật được nhập khẩu vào Việt Nam không ảnh hưởng đến sự tồn tại bền vững của loài đó và các loài khác hiện có trong thiên nhiên;